

Bản án số: 152/2026/HS-ST
Ngày 25-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Chương

2. Bà Văn Thị Ngọc Hà

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 150/2026/HSST ngày 04 tháng 5 năm 2026, theo định đưa vụ án ra xét xử số 161/2026/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Lê Thanh L, sinh ngày 04-11-1987 tại Vĩnh Long.

Nơi thường trú: 3 L, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở trước khi bị bắt: 174 đường C, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 11-9-2025, hiện đang tạm giam tại **Phân trại tạm giam Phước T, Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H (có mặt tại phiên tòa).**

2. Quảng Văn T1, sinh ngày 19-8-2001 tại Sơn La.

Nơi thường trú: Bản N, xã C, tỉnh Sơn La; chỗ ở trước khi bị bắt: 174 đường C, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quảng Văn H1 và bà Cà Thị A.

Tiền án: Tại Bản án số 104/2022/HSST ngày 28-10-2022, Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Quảng Văn T1 24 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”.

Tiền sự: Không

Nhân thân: Tại quyết định số 114/QĐ ngày 15-9-2024 Công an huyện C, tỉnh Hải Dương xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt ngày 11-9-2025, hiện đang tạm giam tại **Phân trại tạm giam Phước T, Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H (có mặt tại phiên tòa)**.

3. Lường Văn Đ, sinh ngày 16-8-2002 tại Sơn La.

Nơi thường trú: Bản Á, xã C, tỉnh Sơn La; chỗ ở trước khi bị bắt: 174 đường C, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn D và bà Cà Thị L1.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt ngày 11-9-2025, hiện đang tạm giam tại **Phân trại tạm giam Phước T, Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H (có mặt tại phiên tòa)**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh An Công L2- sinh năm 1991.

Địa chỉ: B P, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quảng Văn T1 và Lường Văn Đ có mối quan hệ bạn bè và sống cùng nhau tại phòng trọ ở địa chỉ A đường C, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh. Lê Thanh L cũng thuê phòng trọ kế bên phòng của T1 và Đ. Do đó cả ba quen biết nhau. Trong thời gian sinh sống tại đây, T1, Đ, L đã 03 (ba) lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cùng với nhau, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 08 giờ ngày 05-9-2025, L qua phòng trọ của T1, Đ để rủ T1 và Đ cùng sử dụng ma túy, cả hai đồng ý, thống nhất góp tiền, theo đó T1 góp 75.000 đồng, Đ góp 75.000 đồng, L góp 150.000 đồng. Lúc này, L lấy điện thoại của T1 để liên hệ với người tên T2 có tài khoản Zalo “Dragon” (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để hỏi mua 300.000 đồng ma túy, T2 đồng ý bán nên T1 cầm 300.000 đồng rồi điều khiển xe máy biển số 54V4-0149 đi đến khu vực gần trường L3 trên đường C, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh gặp, đưa tiền cho T2, và được T2 chỉ vị trí để gói ma túy. Sau khi nhận gói ma túy, T1 đem về phòng trọ của mình. Thời điểm T1 đi mua ma túy thì tại phòng trọ, L đưa cho Đ một nỏ thủy tinh, Đ lấy chai nước uống bằng nhựa chế thành bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá. Khi T1 đem ma túy về đến thì đưa cho L, L lấy kéo cắt đồ ma túy vào nỏ, rồi dùng bật lửa để hơi cho ma túy tan chảy bốc khói lên và hút trước, sau đó L đưa cho T1 tự đốt và hút, T1 đưa cho Đ tự đốt và hút. Cả ba hút xoay vòng đến khoảng 09 giờ cùng ngày thì hết ma túy. Sau khi sử dụng xong, Đ mang bộ dụng cụ sử dụng ma túy cất giấu trong túi quần lưng treo trên tường trong phòng trọ.

Lần thứ hai: Khoảng 21 giờ ngày 07-9-2025, L qua phòng trọ của T1, Đ rủ rê sử dụng ma túy đá, T1 và Đ đồng ý. L lấy điện thoại của T1 để liên hệ zalo D1 (tên thường gọi là T2, không rõ nhân thân lai lịch) mua 300.000đ (ba trăm ngàn đồng)

ma túy đá. L đưa cho T1 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), T1 điều khiển xe máy 54V4-0149 đến khu vực đường C, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh gặp T2 giao tiền mặt và nhận ma túy. Sau khi mua được ma túy, T1 đem về phòng trọ của T1 và Đ tại địa chỉ A đường C, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh, rồi L, T1, Đ cùng nhau sử dụng ma túy đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì hết ma túy.

Lần thứ ba: Khoảng 21 giờ ngày 09-9-2025, L tiếp tục qua phòng trọ của T1, Đ rủ rê việc sử dụng ma túy đá, T1 và Đ đồng ý. L lấy điện thoại của T1 liên hệ zalo Dragon để mua 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) ma túy đá, L đưa cho T1 số tiền là 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng), T1 điều khiển xe máy 54V4-0149 đến khu vực đường C, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh gặp T2 tiến hành giao tiền mặt- nhận ma túy (được để trong bao thuốc lá). Sau khi mua được ma túy, T1 kẹp gói ma túy ngay gác ba ga xe máy rồi chạy hướng về phòng trọ. Tuy nhiên, khi T1 đi đến khu vực trước số B đường L, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị Cơ quan công an kiểm tra, phát hiện, thu giữ gói ma túy đá T1 vừa mua của T2.

Từ lời khai của T1, Cơ quan Công an tiến hành khám xét khẩn cấp phòng trọ của T1 và Đ ở địa chỉ A đường C, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện một bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá đã được Đ và L chuẩn bị sẵn và chờ Thời mang ma túy đá về để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cùng nhau.

Tại Kết luận giám định số 5429/KL-KTHS-MT ngày 19-9-2025 của Phòng K Công an thành phố H về việc giám định chất dính trong 01 (một) nỏ thủy tinh thu được tại phòng trọ của Quảng Văn T1 và Lường Văn Đ, xác định “là ma túy loại Methamphetamine, không xác định được khối lượng”.

Tại Kết luận giám định số 5172/KL-KTHS-MT ngày 12-9-2025 của Phòng K Công an thành phố H đối với 01 (một) gói nylon màu trắng hàn kín, bên trong có chứa chất kết tinh không màu trong suốt thu giữ của Quảng Văn T1, xác định “mẫu vật có khối lượng 0,2797 gam, là ma túy, loại Methamphetamine”.

* Vật chứng thu giữ của vụ án:

+ 01 (một) gói nylon màu trắng hàn kín, bên trong có chứa chất kết tinh không màu trong suốt được thu giữ trong gói thuốc lá S màu bạc. Số ma túy đã được sử dụng hết trong quá trình giám định.

+ 01 (một) điện thoại di động màu xanh hiệu Redmi 10C, số IMEI1: 868174064309705; IMEI2: 868174064309713, đã qua sử dụng; được gắn SIM số: 0365454314 của Quảng Văn T1 sử dụng để liên hệ mua ma túy.

+ 01 (một) xe máy hiệu Honda Wave S màu đen, có biển số 54V9-0149, số khung: RLHJC4310AY657102; số máy: JC43E1422239: Đây là xe máy Quảng Văn T1 sử dụng để đi mua ma túy đá, T1 khai nhận mượn xe này của anh An Công L2- sinh năm 1991, nơi thường trú xã H, tỉnh Thanh Hóa. Anh L2 khai nhận đã mua xe này từ tiệm xe máy H2 ở địa chỉ số A H, Khu phố C, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (cũ) từ năm 2025, khi mua có viết giấy mua bán, và nhận giấy đăng ký xe. Anh có mối quan hệ quen biết với T1 nên cho T1 mượn xe để đi làm công trình, không biết việc T1 sử dụng xe này để đi mua ma túy. Qua xác tra cứu, ông Nguyễn Văn B- địa chỉ 3 N, Phường C, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nay là phường H,

Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên đăng ký xe ngày 29-9-2010. Ông Nguyễn Văn B trình bày do thời gian đã lâu, ông B không nhớ việc mua xe và bán xe cho ai, ông B không có khiếu nại hay có yêu cầu gì về phương tiện xe máy biển số 54V9-0149 có thông tin đặc điểm nêu trên do mình đứng tên sở hữu.

- Qua khám xét khẩn cấp thu giữ: 01 (một) bộ sử dụng ma túy đá gồm: 01 (một) nỏ thủy tinh (sau giám định được niêm phong trong phong bì ghi số 264 ngày 28-11-2025 của Phòng K Công an Thành Phố H), 01 (một) chai nhựa trong suốt gắn nắp nhựa được đục hai lỗ; 01 (một) ống hút nhựa. Đây là dụng cụ các bị cáo dùng để sử dụng ma túy đá.

Các vật chứng nêu trên được chuyển đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11- Thành phố Hồ Chí Minh bảo quản chờ xử lý.

Tại Bản Cáo trạng số 06/CT-VKSKV11 ngày 24 tháng 4 năm 2026, Viện sát nhân dân khu vực A1- Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên nội dung trạng đã truy tố đối với các bị cáo về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

+ Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025 đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thanh L từ 08 (tám) năm đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025 đề nghị xử phạt bị cáo Quàng Văn T1 từ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) năm tù.

+ Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025 đề nghị xử phạt bị cáo Lường Văn Đ từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

+ 01 (một) gói nylon màu trắng hàn kín, bên trong có chứa chất kết tinh không màu trong suốt được thu giữ trong gói thuốc lá S màu bạc. Số ma túy đã được sử dụng hết trong quá trình giám định.

+ 01 (một) điện thoại di động màu xanh hiệu Redmi 10C, số IMEI1: 868174064309705; IMEI2: 868174064309713, đã qua sử dụng; được gắn SIM số:

0365454314 của Quảng Văn T1 sử dụng để liên hệ mua ma túy nên đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

+ 01 (một) xe máy hiệu Honda Wave S màu đen, có biển số 54V9-0149, số khung: RLHJC4310AY657102; số máy: JC43E1422239: Đây là xe máy Quảng Văn T1 sử dụng để đi mua ma túy đá, T1 khai nhận mượn xe này của anh An Công L2- sinh năm 1991, nơi thường trú xã H, tỉnh Thanh Hóa. Anh L2 khai nhận đã mua xe này từ tiệm xe máy H2 ở địa chỉ số A H, Khu phố C, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (cũ) từ năm 2025, khi mua có viết giấy mua bán, và nhận giấy đăng ký xe. Anh có mối quan hệ quen biết với T1 nên cho T1 mượn xe để đi làm công trình, không biết việc T1 sử dụng xe này để đi mua ma túy. Qua xác tra cứu, ông Nguyễn Văn B- địa chỉ 3 N, Phường C, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên đăng ký xe ngày 29-9-2010. Ông Nguyễn Văn B trình bày do thời gian đã lâu, ông B không nhớ việc mua xe và bán xe cho ai, ông B không có khiếu nại hay có yêu cầu gì về phương tiện xe máy biển số 54V9-0149 có thông tin đặc điểm nêu trên do mình đứng tên sở hữu. Xét thấy anh L2 có giấy mua bán, giấy đăng ký xe, anh L2 không biết, không liên quan đến hành vi của các bị cáo nên đề nghị trả lại chiếc xe trên cho anh L2.

+ 01 (một) bộ sử dụng ma túy đá gồm: 01 (một) nỏ thủy tinh (sau giám định được niêm phong trong phong bì ghi số 264 ngày 28-11-2025 của Phòng K Công an Thành Phố H), 01 (một) chai nhựa trong suốt gắn nắp nhựa được đục hai lỗ; 01 (một) ống hút nhựa. Đây là dụng cụ các bị cáo dùng để sử dụng ma túy đá nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

* Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh. Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh An Công L2 vắng mặt. Xét anh L2 đã có lời khai tại quan điều tra, bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa không yêu cầu hoãn phiên tòa, việc vắng mặt của anh L2 không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L2 theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo với lời khai của người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Trong các ngày 05 và 07 tháng 9 năm 2025, tại phòng trọ ở địa chỉ A đường C, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Văn T1, Lường Văn Đ và Lê Thanh L có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho nhau, theo đó T1 và Đ là người cung cấp địa điểm (phòng trọ do T1 và Đ thuê ở cùng và chịu trách nhiệm cùng nhau), L và Đ là người chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy; số tiền mua ma túy trong ngày 05-9-2025 là do cả ba người góp lại; số tiền mua ma túy ngày 07-9-2025 là của L. Tất cả các lần mua ma túy thì L đều là người liên hệ với người bán và T1 là người đi lấy ma túy.

Ngoài ra, ngày 09-9-2025 Quảng Văn T1, Lường Văn Đ và Lê Thanh L đã thống nhất với nhau về việc tổ chức sử dụng ma túy cùng nhau, L đã đưa tiền cho T1 đi mua ma túy, L và Đ đã chuẩn bị sẵn dụng cụ sử dụng và đều có mặt tại phòng trọ- nơi dự định sẽ sử dụng ma túy cùng nhau, tuy nhiên Thời đang trên đường đem ma túy về thì bị phát hiện, bắt giữ. Qua giám định xác định số ma túy mà T1 bị thu giữ là Methamphetamine có trọng lượng 0,2797 gam.

Hành vi các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

[3] Về tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của các bị cáo:

Xét tính chất mức độ do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy được pháp luật hình sự bảo vệ; là nguyên nhân dẫn đến tệ nạn xã hội và tội phạm khác, ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh tại địa phương. Các bị cáo biết việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần phải xử lý và tuyên mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy tuy nhiên không có sự câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo L là người rủ các bị cáo T1, Đ và các bị cáo T1, Đ đồng ý cùng nhau góp tiền, chuẩn bị công cụ để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào vai trò, nhân thân của từng bị cáo để quyết định hình phạt.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

+ Bị cáo Lê Thanh L, bị cáo Lường Văn Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Bị cáo Quảng Văn T1 có một tiền án, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội mới thuộc trường hợp “Tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự khi lượng hình đối với các bị cáo. Bị cáo Lương Văn Đ có ông được tặng Huân Chương kháng chiến, Huy Chương chiến sĩ vẻ vang nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng vụ án:

+ 01 (một) gói nylon màu trắng hàn kín, bên trong có chứa chất kết tinh không màu trong suốt được thu giữ trong gói thuốc lá S màu bạc. Số ma túy đã được sử dụng hết trong quá trình giám định.

+ 01 (một) điện thoại di động màu xanh hiệu Redmi 10C, số IMEI1: 868174064309705; IMEI2: 868174064309713, đã qua sử dụng; được gắn SIM số: 0365454314 của Quảng Văn T1 sử dụng để liên hệ mua ma túy nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

+ 01 (một) xe máy hiệu Honda Wave S màu đen, có biển số 54V9-0149, số khung: RLHJC4310AY657102; số máy: JC43E1422239: Đây là xe máy Quảng Văn T1 sử dụng để đi mua ma túy đá. T1 khai nhận mượn xe này của anh An Công L2- sinh năm 1991, nơi thường trú xã H, tỉnh Thanh Hóa. Anh L2 khai nhận đã mua xe này từ tiệm xe máy H2 ở địa chỉ số A H, KP C phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (cũ) từ năm 2025, khi mua có viết giấy mua bán, và nhận giấy đăng ký xe. Anh có mối quan hệ quen biết với T1 nên cho T1 mượn xe để đi làm công trình, không biết việc T1 sử dụng xe này để đi mua ma túy. Qua xác tra cứu, ông Nguyễn Văn B- địa chỉ 3 N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên đăng ký xe ngày 29-9-2010. Làm việc với ông Nguyễn Văn B trình bày do thời gian đã lâu, ông B không nhớ việc mua xe và bán xe cho ai, ông B không có khiếu nại hay có yêu cầu gì về phương tiện xe máy biển số 54V9-0149 có thông tin đặc điểm nêu trên do mình đứng tên sở hữu. Anh L2 yêu cầu nhận lại chiếc xe máy trên do anh L2 mua từ tiệm xe máy xe H2, có giấy mua bán xe và giấy đăng ký xe. Xét anh L2 không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe trên cho anh L2.

+ 01 (một) bộ sử dụng ma túy đá gồm: 01 (một) nỏ thủy tinh (sau giám định được niêm phong trong phong bì ghi số 264 ngày 28-11-2025 của Phòng K Công an Thành Phố H); 01 (một) chai nhựa trong suốt gắn nắp nhựa được đục hai lỗ; 01 (một) ống hút nhựa là tang vật của vụ án, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông tên “Trường” bán ma túy cho các bị cáo không rõ nhân thân, lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tiếp tục xác minh, tiến hành xử lý sau.

Cơ quan điều tra thu giữ của Quảng Văn T1 0,2797 gam ma túy loại Methamphetamine, tuy nhiên qua điều tra xác định số ma túy này T1 cùng đồng L, Đ dự định sẽ tổ chức sử dụng cùng nhau, các bị cáo Lương Văn Đ và Lê Thanh L đã

chuẩn bị địa điểm và bộ D2 sẵn, chỉ chờ T1 đem ma túy về là cùng sử dụng, tuy nhiên T1 bị bắt trên đường đem ma túy về. Do đó, hành vi của bị cáo T1 không bị xem xét về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng quy định.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

- Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
- Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thanh L 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 11-9-2025.

2. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt: Bị cáo Quảng Văn T1 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 11-9-2025

3. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt: Bị cáo Lương Văn Đ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 11-9-2025.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động màu xanh hiệu Redmi 10C, số IMEI1: 868174064309705; IMEI2: 868174064309713, đã qua sử dụng; được gắn SIM số: 0365454314.

- Trả lại cho anh A Công Luận 01 (một) xe máy hiệu Honda Wave S màu đen, có biển số 54V9-0149, số khung: RLHJC4310AY657102; số máy: JC43E1422239.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) Phong bì niêm phong số 264 ngày 28-11-2025 của Phòng K Công an Thành Phố H (bên trong có 01 (một) nỏ thủy tinh).

+ 01 (một) chai nhựa trong suốt gắn nắp nhựa được đục hai lỗ.

+ 01 (một) ống hút nhựa.

Vật chứng hiện đang bảo quản tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 - thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản giao nhận vật chứng số 151/BB-PTHADS ngày 28 tháng 4 năm 2026.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Thanh L, Quàng Văn T1, Lường Văn Đ, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu đề yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND thành phố.Hồ Chí Minh;
- PC 10 Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Cơ quan CSĐT Công an TP.Hồ Chí Minh.
- Sở Tư pháp TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 11- TP.Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- Phân trại tạm giam Phước Thắng, Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Huê